

Số: /BC-SYT

Hoà Bình, ngày tháng năm 2022

**BÁO CÁO**  
**Tình hình phòng, chống dịch bệnh COVID-19**  
*(từ ngày 13/10/2022 đến ngày 19/10/2022)*

**I. Tình hình dịch bệnh tại Hòa Bình**

**1. Tình hình mắc COVID- 19: Tổng số 43 ca**

**1.1. Ca mắc mới trong tuần:** Ghi nhận **34** ca. Trong đó:

Bệnh viện đa khoa tỉnh 09 ca, huyện Lương Sơn 01 ca, thành phố Hòa Bình 05 ca, huyện Cao Phong 07 ca, huyện Mai Châu 02 ca, huyện Kim Bôi 02 ca, huyện Lạc Thủy 08 ca.

**1.2. Ca tái nhiễm trong tuần:** Ghi nhận **09** ca.

Huyện Lương Sơn 02 ca, thành phố Hòa Bình 01 ca, huyện Đà Bắc 01 ca, huyện Cao Phong 02 ca, huyện Lạc Thủy 03 ca.

**Lũy kế đến hết ngày 19/10/2022 tổng số ca mắc trên địa bàn tỉnh: 207.765 (trong đó 207.507 ca mắc mới, 258 ca tái nhiễm).**

*(Chi tiết tại phụ lục 1.1 và 1.3 đính kèm).*

**1.2. Ca tử vong trong tuần:** 0 trường hợp.

Lũy kế đến ngày 19/10/2022 tổng số ca tử vong do COVID-19 trên địa bàn tỉnh là: **106 ca**

*(Chi tiết tại phụ lục 1.4 đính kèm)*

**II. Công tác điều trị bệnh nhân COVID-19**

**1. Tại các cơ sở điều trị và cơ sở thu dung**

- Số bệnh nhân đang điều trị: 12 trường hợp, trong đó:
- + Số bệnh nhân không triệu chứng: 0 trường hợp;
- + Số bệnh nhân nhẹ: 02 trường hợp tại TTYT huyện Lạc Thủy.
- + Số bệnh nhân trung bình: 08 trường hợp tại bệnh viện Đa khoa tỉnh.
- + Số bệnh nhân nặng(thở oxy gọng kính): 02 trường tại bệnh viện Đa khoa tỉnh.
- + Số bệnh nhân khỏi bệnh được xuất viện: 13 trường hợp

**2. Tình hình quản lý F0 tại nhà**

Số bệnh nhân đang được quản lý tại nhà: 42 trường hợp. Trong đó:

- + Số không có triệu chứng: 20 trường hợp
- + Mức độ nhẹ: 22 trường hợp
- + Khởi bệnh trong ngày: 35 trường hợp

### **III. Kết quả thực hiện xét nghiệm**

*\* Xét nghiệm sàng lọc cho các đối tượng có nguy cơ cao:*

- Số mẫu mới nhận: 0 mẫu/0 người được xét nghiệm
- Số mẫu đã làm xét nghiệm trong tuần: 0 mẫu
- + Số mẫu có kết quả dương tính: 01 mẫu
- + Số mẫu có kết quả âm tính: 0 mẫu
- Số mẫu nghi ngờ: 0 mẫu
- Số mẫu chưa có kết quả: 0 mẫu

*(Chi tiết tại phụ lục 2.1 đính kèm).*

*\* Xét nghiệm dịch vụ:*

- Số mẫu mới nhận: 0 mẫu/0 người được xét nghiệm
- Số mẫu đã làm xét nghiệm trong tuần: 0 mẫu
- + Số mẫu có kết quả dương tính: 0 mẫu
- + Số mẫu có kết quả âm tính: 0 mẫu
- Số mẫu nghi ngờ: 0 mẫu
- Số mẫu chưa có kết quả: 0 mẫu

*(Chi tiết tại phụ lục 2.2 đính kèm).*

### **2. Kết quả xét nghiệm bằng test nhanh kháng nguyên:**

*\* Xét nghiệm sàng lọc cho các đối tượng có nguy cơ cao:*

- Số mẫu thực hiện trong tuần: 637 mẫu/637 người được xét nghiệm
- Số mẫu có kết quả dương tính: 39 mẫu
- Số mẫu có kết quả âm tính: 598 mẫu

*(Chi tiết tại phụ lục 3.1 đính kèm).*

*\* Xét nghiệm dịch vụ:*

- Số mẫu thực hiện trong tuần: 06 mẫu/06 người được xét nghiệm
- Số mẫu có kết quả dương tính: 02 mẫu
- Số mẫu có kết quả âm tính: 04 mẫu

*(Chi tiết tại phụ lục 3.2 đính kèm).*

### **III. Kết quả tiêm Vắc xin phòng COVID-19**

**1. Kết quả cộng dồn các đợt theo số vắc xin được phân bổ cho tỉnh:**

- Tổng số liều vắc xin đã được phân bổ: 2.238.946 liều
- Tổng số mũi vắc xin đã tiêm: 2.243.656 mũi
- Tổng số người trên 18 tuổi đã được tiêm vắc xin: 550.051 người, trong đó:
  - + Số người đã được tiêm 1 mũi vắc xin cần tiêm mũi 2 là: 7.730 người
  - + Số người đã tiêm đủ 2 mũi vắc xin cần tiêm mũi 3 là: 126.800 người
  - + Số người đã tiêm mũi 3 (nhắc lại lần 1): 415.648 người
  - + Số người tiêm mũi bổ sung: 219.654 người
  - + Số người tiêm mũi 4 (nhắc lại lần 2): 120.922 người
- Tổng số trẻ em từ 12 đến 17 tuổi được tiêm: 77.927 người
  - + Số trẻ 12 đến 17 tuổi được tiêm 1 mũi cần tiêm mũi 2: 1.648 người
  - + Số trẻ 12 đến 17 tuổi đã tiêm mũi 2: 77.400 người
  - + Số trẻ 12 đến 17 tuổi đã tiêm mũi 3: 43.615 người
- Tổng số trẻ em từ 5 đến dưới 12 tuổi đã tiêm: 110.362 người
  - + Số trẻ 5 đến dưới 12 tuổi đã tiêm 1 mũi cần tiêm mũi 2: 20.363 người
  - + Số trẻ từ 5 đến dưới 12 tuổi đã tiêm mũi 2 : 89.999 người

**2. Kết quả thực tế số người từ 12 tuổi trở lên đã được tiêm trên địa bàn toàn tỉnh:**

**BẢNG TỔNG HỢP SỐ LIỆU TIÊM VẮC XIN PHÒNG COVID-19  
NGƯỜI TỪ 18 TUỔI TRỞ LÊN**

TT	Huyện/TP	Tổng số đối tượng > 18 tuổi (Số thường trú có mặt trên địa bàn)	Tổng cộng số người đã được tiêm 2 mũi			Tổng cộng số người đã được tiêm 1 mũi			Tỷ lệ bao phủ ít nhất 1 mũi (%)
			Trong tuần	Cộng dồn 19.10	Tỷ lệ (%)	Trong tuần	Cộng dồn 19.10	Tỷ lệ (%)	
1	Đà Bắc	35.028	3	34.399	98,2	0	238	0,68	98,9
2	Cao Phong	28.150	0	28.080	99,8	0	80	0,28	100,0
3	Kim Bôi	69.385	0	67.406	97,1	0	1.498	2,16	99,3
4	Lạc Sơn	83.110	0	80.685	97,1	0	1.576	1,90	99,0
5	Lạc Thủy	38.851	11	38.448	99,0	7	49	0,13	99,1
6	Lương Sơn	73.328	0	71.152	97,0	0	2.156	2,94	100,0
7	Mai Châu	36.416	0	35.437	97,3	0	816	2,24	99,6
8	Tân Lạc	54.899	5	54.516	99,3	0	12	0,02	99,3
9	Yên Thủy	37.702	0	37.621	99,8	0	56	0,15	99,9
10	Thành phố HB	96.555	21	94.704	98,1	6	1.249	1,29	99,4
<b>Cộng</b>		<b>553.424</b>	<b>40</b>	<b>542.448</b>	<b>98,0</b>	<b>13</b>	<b>7.730</b>	<b>1,40</b>	<b>99,4</b>

**BẢNG TỔNG HỢP SỐ LIỆU TIÊM VẮC XIN PHÒNG COVID-19  
NGƯỜI TỪ 18 TUỔI TRỞ LÊN**

(Mũi thứ 3 bao gồm mũi nhắc lại và mũi bổ sung)

T T	Huyện/TP	Tổng số đối tượng từ 18 tuổi trở lên	Đối tượng tiêm mũi 4	Tổng cộng số người đã được tiêm mũi 3 ( nhắc lại)			Số tiêm mũi 4 ( nhắc lần 2)		
				Tron g tuần	Cộng đòn 19.10	Tỷ lệ (%)	Trong tuần	Cộng đòn 19.10	Tỷ lệ (%)
1	Đà Bắc	35.028	10.750	90	27.943	79,8	276	7.124	66,3
2	Cao Phong	28.150	10.989	0	22.844	81,2	0	8.634	78,6
3	Kim Bôi	69.385	11.000	52	53.176	76,6	30	10.979	99,8
4	Lạc Sơn	83.110	13.000	0	53.033	63,8	0	12.295	94,6
5	Lạc Thủy	38.851	9.500	199	31.263	80,5	640	8.624	90,8
6	Lương Sơn	73.328	30.150	0	64.131	87,5	0	13.704	45,5
7	Mai Châu	36.416	15.400	0	32.004	87,9	0	15.309	99,4
8	Tân Lạc	54.899	11.500	57	36.623	66,7	154	10.077	87,6
9	Yên Thủy	37.702	5.500	0	26.689	70,8	0	5.454	99,2
10	Thành phố HB	96.555	33.000	145	67.942	70,4	525	28.722	87,0
<b>Cộng</b>		<b>553.424</b>	<b>150.789</b>	<b>543</b>	<b>415.648</b>	<b>75,1</b>	<b>1.625</b>	<b>120.922</b>	<b>80,2</b>

**BẢNG TỔNG HỢP SỐ LIỆU TIÊM VẮC XIN PHÒNG COVID-19 CHO NGƯỜI TỪ 12 ĐẾN 17 TUỔI**

T T	Đơn vị	Tổng số đối tượng cần tiêm	Đối tượng đã tiêm						Tỷ lệ bao phủ ít nhất 1 mũi (%)	Số trẻ được tiêm mũi 3		
			Số trẻ được tiêm 1 mũi			Số trẻ được tiêm mũi 2				Tron g tuần	Cộng đòn 19.10	Tỷ lệ
			Tron g tuần	Cộng đòn 19.10	Tỷ lệ	Tron g tuần	Cộng đòn 19.10	Tỷ lệ				
1	Đà Bắc	5.140	0	6	0,1	32	5.083	98,9	99,0	51	2.203	42,9
2	Cao Phong	3.547	0	5	0,4	0	3.527	99,4	99,8	0	2.073	58,4
3	Kim Bôi	10.167	0	297	2,9	0	9.998	98,3	100,0	200	4.837	47,6
4	Lạc Sơn	12.517	0	488	3,9	0	12.435	99,3	100,0	0	6.759	54,0
5	Lạc Thủy	6.761	5	228	3,4	41	6.599	97,6	100,0	675	4.709	69,6
6	Lương Sơn	8.765	0	324	3,7	0	8.447	96,4	100,1	0	5.309	60,6
7	Mai Châu	4.328	0	80	0,1	0	4.426	100,0	100,0	0	2.753	63,6
8	Tân Lạc	7.230	8	25	0,3	19	7.414	100,0	100,0	68	4.127	57,1
9	Yên Thủy	5.736	0	211	3,7	0	5.634	98,2	100,0	0	3.420	59,6
10	TPHB	13.761	14	154	1,1	90	13.837	100,6	100,0	1.063	7.425	54,0
<b>Tổng cộng</b>		<b>77.952</b>	<b>27</b>	<b>1.648</b>	<b>2,1</b>	<b>182</b>	<b>77.400</b>	<b>99,3</b>	<b>99,9</b>	<b>2.057</b>	<b>43.615</b>	<b>56,0</b>

**BẢNG TỔNG HỢP SỐ LIỆU TIÊM VẮC XIN PHÒNG COVID-19 CHO TRẺ EM TỪ 5 ĐẾN DƯỚI 12 TUỔI**

TT	Đơn vị	Số đối tượng trẻ 5 đến dưới 12 tuổi	Đối tượng đã tiêm						Tổng cộng số đã tiêm ít nhất 1 mũi	Tỷ lệ bao phủ ít nhất 1 mũi (%)
			Số trẻ được tiêm mũi 1			Số trẻ được tiêm mũi 2				
			Trong tuần	Cộng dồn 19.10	Tỷ lệ	Trong tuần	Cộng dồn 19.10	Tỷ lệ		
1	Đà Bắc	6.475	0	2.144	33,1	0	4.739	73,2	6.883	99,9
2	Cao Phong	6.549	0	1.588	24,2	0	4.550	69,5	6.138	93,7
3	Kim Bôi	15.290	0	2.914	19,1	0	11.911	77,9	14.825	97,0
4	Lạc Sơn	19.821	0	2.083	10,5	0	17.722	89,4	19.805	99,9
5	Lạc Thủy	8.372	0	1.670	19,9	0	6.600	78,8	8.270	98,8
6	Lương Sơn	12.290	0	3.043	24,8	0	9.500	77,3	12.543	102,1
7	Mai Châu	7.197	0	981	13,6	0	6.003	83,4	6.984	97,0
8	Tân Lạc	11.165	0	2.051	18,4	0	9.148	81,9	11.199	100,3
9	Yên Thủy	8.302	0	1.456	17,5	0	6.595	79,4	8.051	97,0
10	TPHB	17.523	0	2.433	13,9	0	13.231	75,5	15.664	89,4
<b>Tổng cộng</b>		<b>112.984</b>	<b>0</b>	<b>20.363</b>	<b>18,0</b>	<b>0</b>	<b>89.999</b>	<b>79,7</b>	<b>110.362</b>	<b>97,7</b>

## V. Các hoạt động triển khai trong tuần

- Quản lý các trường hợp nghi ngờ, các trường hợp F0 để thực hiện các biện pháp phòng chống dịch phù hợp;
- Thực hiện tiêm vắc xin theo kế hoạch;
- Điều trị các ca bệnh COVID-19 tại cơ sở y tế và tại nhà theo hướng dẫn;
- Tổ chức các hoạt động bảo vệ người nguy cơ mắc COVID-19 trên địa bàn tỉnh.
- Triển khai các hoạt động khác về phòng, chống dịch.

## VI. Một số nhiệm vụ trọng tâm trong thời gian tới

- Báo cáo hàng tuần tình hình phòng, chống dịch bệnh COVID-19 và các hoạt động hỗ trợ người dân, người lao động, doanh nghiệp bị ảnh hưởng bởi dịch COVID-19 trên địa bàn tỉnh;
- Tiếp tục quản lý các trường hợp nghi ngờ, các trường hợp F0 để thực hiện các biện pháp phòng chống dịch phù hợp; tiếp tục điều trị các ca bệnh COVID-19 theo hướng dẫn;

- Thực hiện đánh giá cấp độ dịch hàng tuần theo quy định;
- Tiếp tục tiêm vắc xin theo kế hoạch;
- Tiếp tục tổ chức các hoạt động bảo vệ người nguy cơ mắc COVID-19 trên địa bàn tỉnh.

Trên đây là Báo cáo của Sở Y tế về công tác phòng, chống dịch bệnh COVID-19 trên địa bàn tỉnh Hòa Bình./.

***Nơi nhận:***

- Bộ Y tế;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- UBND tỉnh;
- UB MTTQVN tỉnh;
- VP: Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh;
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy;
- Ban Nội chính Tỉnh ủy;
- Ban Dân vận Tỉnh ủy;
- Thành viên BCĐ PCD COVID-19 tỉnh;
- Bộ CHQS tỉnh HB;
- Công an tỉnh HB;
- UBND các huyện/TP;
- GD, các PGĐ Sở Y tế;
- Trung tâm KSBT tỉnh;
- BVĐK tỉnh; BV YHCT tỉnh;
- TTYT các huyện, TP;
- Lưu: VT, NVY.

**GIÁM ĐỐC**

**Bùi Thu Hằng**